

Bản án số: 165/2023/HS-PT  
Ngày: 29/5/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Nguyễn Tấn Trường**

*Các thẩm phán:* ông **Nguyễn Văn Tào**

ông **Phạm Tôn**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Phạm Tấn Ánh**.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều O tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HSST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Thị Kiều O; sinh ngày 20 tháng 12 năm 1994 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nhân viên bất động sản công ty H4 tại Quảng Ngãi; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X và bà Lê Thị L; chồng: Nguyễn Xuân M; con: có 02 con, sinh năm 2017 và 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa:** Ông Trịnh Văn H – Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa theo luật định; có mặt.

*Bị hại:*

1. Bà Đỗ Thị Xuân H1, sinh năm: 1991; Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2.. Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm: 1980; Trú tại: Lô L, khu dân cư I, đường T, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Bà Phạm Thị Thanh C, sinh năm: 1978; Trú tại: 5 C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

4.. Bà Phạm Thị L1, sinh năm: 1974; Trú tại: Thôn E, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Thông qua mối quan hệ quen biết nên vào khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2021, Nguyễn Thị Kiều O đã đưa ra thông tin gian dối như: rủ một số người góp tiền để đầu tư đất, đảo hạn ngân hàng,... Sau khi nhận được tiền, O không đầu tư đất hay đảo hạn ngân hàng như thông tin O đã đưa ra mà sử dụng để chơi sàn giao dịch tiền ảo và trả nợ cho người khác, cụ thể:

*Trường hợp thứ nhất:* Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Hồ Thị T, sinh năm 1996, trú tại phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà Hồ Thị T làm chung với Nguyễn Thị Kiều O tại Công ty H4 Chi nhánh Q. Vào tháng 11/2020, O rủ bà T góp số tiền 167.500.000 đồng để mua chung lô đất ở xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Trị giá lô đất là 335.000.000 đồng), sau 01 năm sẽ bán kiếm lời nên bà T đồng ý. Ngày 20/11/2020, bà T chuyển khoản cho O số tiền 67.500.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại thì bà T và O thống nhất trừ vào khoản tiền mà O còn nợ bà T để đầu tư lô đất trên. Thực tế, O không đầu tư lô đất ở xã N như đã nói với T mà đã sử dụng chơi sàn giao dịch tiền ảo “GKFX PRIME” và bị thua lỗ nên đến nay không có khả năng trả lại tiền cho bà T.

Khoảng tháng 8/2021, O rủ bà T góp 250.000.000 đồng để mua lô đất khớp nối đường P nối dài thuộc xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, bà T đồng ý. Thực tế, O không đầu tư lô đất như đã nói mà đã chuyển cho bà Đặng Thị Ngọc T1 ở Thành phố Hồ Chí Minh Oh chỉ quen biết T1 trong nhóm chơi sàn giao dịch tiền ảo chứ không biết địa chỉ cụ thể của bà T1) để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch W và bị thua lỗ nên đến nay không có khả năng trả lại tiền cho bà T.

Ngày 16/8/2021, O rủ T góp số tiền 100.000.000 đồng để mua lô đất sau khách sạn R ở thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, bà T đồng ý, tuy nhiên, bà T không đưa tiền cho O mà thỏa thuận trừ vào số tiền lời mà O còn nợ bà T khi đầu tư các lô đất khác. Thực tế, O không có mua lô đất như đã nói với bà T mà đã chuyển cho bà Nguyễn Thị M1, trú tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh Oh

chỉ quen biết bà M1 trong nhóm chơi sàn giao dịch tiền ảo chứ không biết địa chỉ cụ thể của bà M1) để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà T.

Ngày 26/8/2021, O rủ bà T góp số tiền 200.000.000 đồng để mua chung lô đất LK1-38 thuộc dự án L, thành phố Q, bà T đồng ý nên đã đưa tiền cho O.

Tiếp đến ngày 28/8/2021, O rủ bà T góp số tiền 200.000.000 đồng mua lô đất ở khu N, thành phố Q, bà T đồng ý nên đã đưa tiền cho O. Tuy nhiên, O không đầu tư, mua 02 lô đất như đã nói với bà T mà dùng số tiền của bà T chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho T.

Ngày 06/9/2021, O hỏi mượn tiền của bà T và nói để đưa cho ông hàng xóm của O giải quyết việc gấp, bà T đồng ý và đưa cho O mượn số tiền 28.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, O đã trả lại cho T 10.000.000 đồng, số tiền còn lại O đặt chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho T.

Ngày 06/9/2021, O hỏi mượn tiền của bà T và nói để đặt cọc đất, bà T đưa cho O mượn số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 06/9/2021, O hỏi mượn tiếp bà T số tiền 300.000.000 đồng và nói để đưa tiền cho bà Phan Thị Mỹ H2 làm việc tại Ngân hàng T3 Chi nhánh Q với lý do là O và bà H2 góp tiền mua chung lô đất và bà H2 đứng tên nhưng bà H2 đang nợ tiền vay ngoài nên O mượn tiền đưa cho bà H2 để giữ lại lô đất, bà T đồng ý nên đã nhiều lần đưa tiền cho O, với tổng số tiền 264.900.000 đồng. Sau đó, O đã trả lại bà T số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn lại O không trả cho bà T.

Qua điều tra, O khai: Thời điểm này, O nợ rất nhiều người nên O đã sử dụng số tiền trên để trả nợ xoay vòng trong đó có bà H2 và chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà T.

Ngày 06/9/2021, O hỏi mượn tiền của bà T và nói để thanh toán tiền hàng nhôm kính cho chồng, bà T đã đưa cho O mượn số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, O đã chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho T.

Tổng số tiền O đã nhận của T là 1.250.900.000 đồng. Tất cả số tiền trên T đều chuyển khoản cho O và không viết giấy tờ gì cho từng lần chuyển khoản, đến ngày 24/9/2021, O đã viết giấy xác nhận có nhận số tiền trên của T.

*Trường hợp thứ hai:* Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Đỗ Thị Xuân H1, sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Đỗ Thị Xuân H1 và O quen biết nhau từ tháng 6/2020 do cùng làm tại Công ty H4 Chi nhánh Q. Vào khoảng đầu năm 2021, O rủ bà H1 góp số tiền 343.000.000 đồng để mua chung lô đất vườn ở thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, O nói trị giá lô đất là 980.000.000 đồng, sau này tách được 6 lô

trong thời gian 45 ngày sẽ lời gấp đôi. Nghe O nói vậy nên bà H1 đã nhiều lần chuyển cho O với số tiền 334.000.000 đồng, cộng với số tiền 9.000.000 đồng mà O còn nợ bà H1 trước đó, tổng số tiền bà H1 đã đưa cho O để đầu tư lô đất trên là 343.000.000 đồng. Tuy nhiên, O không đầu tư đất như đã nói mà sử dụng vào việc trả nợ cho bà Phan Thị Mỹ H2 (Nhân viên Ngân hàng T3 Chi nhánh Q) và Phạm Thị Thanh C.

Ngày 04/6/2021, O rủ bà H1 góp số tiền 52.900.000 đồng để mua lô đất FPT ở thành phố Đà Nẵng cùng với bà Hồ Thị T để bán kiếm lời nên bà H1 đã chuyển tiền cho O. Ngày 10/8/2021, O nhiều lần hỏi mượn tiền của bà H1 và nói là để mua “Bitcoin” chung với ông Hoàng A - Giám đốc Ngân hàng T3 Chi nhánh Q nên từ ngày 10/8/2021 đến ngày 18/8/2021, bà H1 đã nhiều lần chuyển tiền cho O với tổng số tiền 258.800.000 đồng. Tuy nhiên, O không góp tiền mua đất cũng không mua “Bitcoin” chung với ông Hoàng A như O đã nói mà O đã sử dụng số tiền trên để trả nợ cho bà Phạm Thị Thanh C, Hồ Thị T và chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho H1.

Ngày 26/8/2021, O nhờ bà H1 vay giúp cho O số tiền 100.000.000 đồng và nói là để lấy hàng nhôm kính cho chồng của O. Bà H1 đã chuyển cho O số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, O không trả tiền hàng nhôm kính như đã nói mà sử dụng số tiền trên chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho H1.

Ngày 30/8/2021, O nhờ bà H1 vay giúp số tiền 100.000.000 đồng và nói là để O đưa tiền cho ông Hoàng A thì ông A mới chuyển trả tiền mua “Bitcoin” của các lần trước và O nói sẽ lời được 150.000.000 đồng. Bà H1 đồng ý nên đã chuyển cho O số tiền 100.000.000 đồng. O không đưa tiền cho ông Hoàng A như O đã nói mà O đã sử dụng số tiền trên để trả nợ cho bà Phan Thị Mỹ H2 và chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 và bà Đặng Thị Ngọc T1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà H1.

Tổng số tiền O đã nhận của bà H1 là 854.700.000 đồng. Tất cả số tiền trên bà H1 đều chuyển khoản cho O. Sau khi nhận tiền O đã sử dụng số tiền trên để trả nợ cho người khác và mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà H1.

*Trường hợp thứ ba:* Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1980, trú tại khu dân cư IVB1, đường T, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Thông qua việc môi giới mua bán đất nên bà Võ Thị Mỹ D quen biết với O. Vào khoảng cuối tháng 5/2021, O rủ bà D mua chung thửa đất số 178, tờ bản đồ số 6 của ông Trần H3 tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, lúc đó O nói trị giá lô đất là 1.520.000.000 đồng, ông Đỗ Tấn V, trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi góp số tiền 760.000.000 đồng, còn lại O và D mỗi người góp

380.000.000 đồng, sau khi làm sổ sẽ tách bán kiếm lời. Tại thời điểm rủ bà D hùn tiền mua lô đất trên, O đã đặt cọc cho ông H3 số tiền 100 triệu đồng, O khai bản thân O làm bên bất động sản nên nhìn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H3 biết là không công chứng được nhưng O vẫn đặt cọc để tạo niềm tin cho bà D. Bà D tin tưởng nên ngày 01/6/2021, bà D đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho O với tổng số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi có được tiền của bà D, O đã sử dụng tiền để trả nợ cho ông Đỗ Tấn V và bà Phan Thị Mỹ H2.

Khi không công chứng được, ông Trần H3 trả lại tiền cọc cho O nhưng O không trả lại tiền, cũng không nói gì với bà D và đến nay không có khả năng trả lại khoản tiền nói trên cho bà D.

Ngày 28/7/2021, O rủ bà D đặt cọc mua chung lô đất ở khu N, thuộc phường C, thành phố Q. O nói với D là mỗi người góp 100.000.000 đồng, chỉ cần đưa tiền cọc sau đó lướt bán kiếm lời. Bà D đồng ý nên ngày 29/7/2021 bà D đã chuyển cho O số tiền 100.000.000 đồng. O khai không có việc đặt cọc mua lô đất như đã nói với D, số tiền nhận của D thì O đã sử dụng để trả nợ cho người khác và mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà D.

Ngày 30/8/2021, O hỏi mượn bà D số tiền 200.000.000 đồng và nói là để đáo hạn cho khách hàng ở ngân hàng T3 Chi nhánh Q và hứa 02 đến 03 ngày sẽ trả lại tiền. Bà D đồng ý nên ngày 30/8/2021 và ngày 01/9/2021 bà D đã chuyển cho O với tổng số tiền 200.000.000 đồng. O không đáo hạn ngân hàng như đã nói với bà D, số tiền nhận của bà D thì O đã sử dụng để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà D.

Tổng số tiền O đã nhận của bà D là 680.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, O đã sử dụng trả nợ cho người khác và mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà D.

*Trường hợp thứ tư:* Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Thanh C, sinh năm 1978, trú tại tổ F, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Thông qua việc môi giới mua bán đất nên bà Phạm Thị Thanh C quen biết với O. Vào khoảng giữa tháng 11/2020, O rủ bà C mua chung lô đất ở thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi để bán kiếm lời, bà C đồng ý góp số tiền 150.000.000 đồng, số tiền này bà C đã đưa cho O 90.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng là tiền trước đó O còn nợ của bà C chuyển qua. Vào khoảng cuối tháng 5/2021, O rủ bà C mua chung lô đất tại khu T thuộc phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để bán kiếm lời, lúc đó O nói giá lô đất khoảng 500.000.000 đồng và đã tìm được người mua rồi nên ngày 28/5/2021 bà C đã chuyển cho O số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó bà C cần tiền giải quyết công việc nên O trả lại 100.000.000 đồng. O khai không có đầu tư các lô đất như đã nói trên mà đã chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” và thua lỗ không có khả năng trả lại.

Ngày 19/8/2021, O hỏi mượn bà C số tiền 100.000.000 đồng và nói để đáo hạn ngân hàng. Bà C đồng ý nên đã đưa cho O số tiền 100.000.000 đồng. Khoảng một tuần sau, O trả lãi cho bà C số tiền 14.000.000 đồng để tạo niềm tin, thực chất O không đáo hạn ngân hàng như đã nói với bà C mà sử dụng để trả nợ cho người khác.

Ngày 26/8/2021, O hỏi vay bà C số tiền 400.000.000 đồng và nói để làm đáo hạn tại ngân hàng T3 Chi nhánh Q cho khách hàng, lúc đó O hứa 10 ngày sau sẽ trả đủ gốc và lãi cho bà C, bà C đồng ý nên đã chuyển cho O số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại là 100.000.000 đồng O và bà C thống nhất cần vào khoản vay ngày 19/8/2021 mà O chưa trả cho bà C. Tuy nhiên, O không đáo hạn ngân hàng cho khách hàng như đã nói với bà C mà O sử dụng số tiền trên chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà C.

Ngày 30/8/2021, O hỏi mượn bà C số tiền 16.000.000 đồng nói để chơi sàn giao dịch tiền ảo W sẽ thu lợi nhuận cao nên bà C đồng ý và chuyển cho O mượn số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi mượn số tiền trên O đã sử dụng để chơi sàn giao dịch tiền ảo Wefinex, do thua lỗ nên hiện nay vẫn chưa trả tiền cho bà C. Khoản vay này là dân sự, không liên quan đến hành vi lừa đảo của O.

Ngày 06/9/2021, O hỏi mượn bà C số tiền 100.000.000 đồng và nói để cọc tiền đất bán sang tay ở huyện M, tỉnh Quảng Ngãi và hứa chiều cùng ngày sẽ trả lại đủ số tiền đã mượn, đồng thời gửi thêm 5.000.000 đồng để uống nước. Bà C đồng ý, nhưng lúc đó bà C không đủ tiền nên đã chuyển cho O mượn số tiền 85.000.000 đồng. Tuy nhiên, O không đặt cọc mua đất như đã nói với bà C mà sử dụng số tiền nhận của bà C để chuyển cho bà Nguyễn Thị M1 để mua tiền ảo “Win” chơi sàn giao dịch tiền ảo W và bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền cho bà C.

Tổng số tiền O đã nhận của bà C là 835.000.000 đồng, O đã trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng và tiền lời là 14.000.000 đồng, nhưng số tiền 14.000.000 đồng này bà C cầm t vào tiền gốc, không nhận lãi nên hiện nay số tiền O chiếm đoạt của bà C là 721.000.000 đồng.

*Trường hợp thứ năm:* Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị L1, sinh năm 1974, trú tại thôn E, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Thông qua người quen khác nên bà Phạm Thị L1 quen biết với O. Đến khoảng giữa tháng 8/2021, O nhiều lần chủ động đến nhà bà L1 rủ vợ chồng bà L1 hùn tiền mua nhà tại khu A thuộc phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi với giá là 2.200.000.000 đồng, O không nói cụ thể lô đất nào, O đưa cho bà L1 xem hình căn nhà chụp trong điện thoại, O nói O đã đặt cọc số tiền 300.000.000 đồng, O nói là O định mua ở, nhưng giờ có người hỏi mua lại rồi. Nghe O nói vậy nên ngày 20/8/2020 bà L1 đã đưa tiền mặt cho O số tiền 600.000.000 đồng tại nhà bà L1, lúc đó O không viết giấy nhận tiền, nhưng sau một thời gian O không trả tiền cho bà L1 nên bà L1 đã yêu cầu O viết giấy thể hiện có nhận tiền của bà L1.

Đến ngày 09/9/2021, O nhiều lần gọi điện thoại cho bà L1 hỏi mượn số tiền 150.000.000 đồng, lúc đó O nói đang cần tiền gấp để chồng tiền đất ở xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi và hứa 01 ngày sau sẽ trả lại số tiền trên cho bà L1, bà L1 đồng ý nên đã đưa tiền mặt cho O mượn với số tiền 150.000.000 đồng tại nhà bà L1, lúc đó O không viết giấy nhận tiền, nhưng sau một thời gian O không trả tiền cho bà L1 nên bà L1 đã yêu cầu O viết giấy thể hiện có nhận tiền của bà L1.

Qua điều tra, O khai nhận: Thời điểm O nhận số tiền 600.000.000 đồng của bà L1 thì lúc đó O đã nợ rất nhiều người nên O nói dối với bà L1 là đưa tiền cho O để hùn chung với O mua nhà ở khu A bán kiếm lời, nhưng thực tế số tiền này O đã sử dụng để trả nợ cho người khác, vì thời điểm này O nợ nhiều người và vay trả nợ xoay vòng nên hiện nay O không nhớ cụ thể đã trả cho ai. Số tiền 150.000.000 đồng O nhận của bà L1, O dùng để trả nợ tiền gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị Mỹ L2, trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vì trước đó O nợ tiền của bà L2, đã đến hạn phải trả cho bà L2 chứ lúc đó O không có chồng tiền lô đất ở xã Đ, huyện M như O đã nói với bà L1.

Tổng số tiền O đã nhận của bà L1 là 750.000.000 đồng, hiện nay O vẫn chưa trả cho bà L1.

#### *Kết luận giám định:*

Ngày 17/01/2022, Phòng K Công an tỉnh đã có kết luận giám định kèm theo phụ lục và được sao chép vào đĩa DVD có chứa nội dung tin nhắn của O với những người bị hại.

Ngày 28/02/2022, Phòng K Công an tỉnh kết luận: Chữ viết, chữ ký trên “Giấy nhận tiền”; chữ viết, chữ ký trên các “Giấy mượn tiền và hẹn trả” với chữ viết, chữ ký trên 02 “Bản tự khai” ghi tên Nguyễn Thị Kiều O gửi giám định là do cùng một người viết, ký ra.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 31/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều Oanh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

#### ***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HSST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

**1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều O phạm tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản** theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).**

#### ***Về hình phạt***

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O 08 T2m) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2023, các bị hại Phạm Thị Thanh C, Phạm Thị L1, Võ Thị Mỹ D và ngày 04/01/2023, bị hại Đỗ Thị Xuân H1 có đơn kháng cáo cùng nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo O, bởi các lý do sau: thứ nhất, bị cáo O chỉ nộp khắc phục 4.000.000đ là quá thấp so với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 4.270.600.000đ, nhưng toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo O là không đúng. Do bị cáo O chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ và có tình tiết tăng nặng ở điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt. Thứ hai, bị cáo O là nhân viên bất động sản đã dùng thủ thuật trong mua bán nhà đất để lừa đảo nhiều người, do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng là “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo. Thứ ba, bị cáo O phạm tội tinh vi, xảo quyệt, đẩy các gia đình bị hại đến chỗ khánh kiệt, có người phải tự tử, do vậy cần án dụng tình tiết tăng nặng “*Dùng thủ đoạn tinh vi, tàn ác hoặc xảo quyệt để phạm tội*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo. Như vậy, do bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng hơn tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 năm tù.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các bị hại Phạm Thị Thanh C, Phạm Thị L1, Võ Thị Mỹ D và Đỗ Thị Xuân H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt cho bị cáo O như trong đơn kháng cáo đã nêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:* kháng cáo của các bị hại là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; các bị hại kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, tăng nặng hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra là đầy đủ, toàn diện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị cáo Nguyễn Thị Kiều O bị truy tố và xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên*” có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; toà án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,n,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng pháp luật. Những người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt cho bị cáo nêu ra các lý do là không có sức thuyết phục. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị hại; giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kiều O thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các chứng cứ đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh: vì động cơ vụ lợi cá nhân mà trong thời gian 01 năm, từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2021 bị cáo Nguyễn Thị Kiều O đã có hành vi thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật như kêu gọi mọi người hợp tác đầu tư bất động sản tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đảo hạn ngân hàng, để lừa đảo chiếm đoạt của 05 người bị hại có tổng số tiền 4.270.600.000đ với mục đích chi tiêu cho cá nhân như trả nợ, giao dịch tiền ảo trên mạng, nay không còn khả năng chi trả. Với hành vi và hậu quả như trên bị cáo Nguyễn Thị Kiều O bị truy tố và xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên*” có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Toà án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: khắc phục một phần hậu quả (do bị cáo nộp tại Cục thi hành án được 4.000.000đ để bồi thường cho bị hại); khi phạm tội bị cáo đang mang thai; thành khẩn khai báo, năn năn hối cải theo quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo O có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; gia đình bên chồng có công với nước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt của nhiều người nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn tình tiết tăng nặng, nên bị cáo O được áp dụng Điều 54 BLHS, xử dưới khung hình phạt là 08 năm tù. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo O có cung cấp biên lai nộp khắc phục hậu quả 3.000.000đ vào ngày 26/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy bị cáo O đã nộp tổng cộng là 7.000.000đ, số tiền trên sẽ được trừ trong quá trình thi hành án.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của những người bị hại:

[2.1] Đối với kháng cáo cho rằng bị cáo O chỉ nộp khắc phục 4.000.000đ là quá thấp so với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 4.270.600.000đ, nhưng tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo O là không đúng, đề nghị không chấp nhận tình tiết này. Do bị cáo O chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ và có tình tiết tăng nặng ở điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS để xử bị cáo dưới khung hình phạt. HĐXX thấy rằng: hiện nay chưa có hướng dẫn nào quy định bồi thường, khắc phục hậu quả bao nhiêu % của số tiền gây thiệt hại thì mới được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; miễn sao bị cáo tự mình hoặc tác động người khác có bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả. Do vậy kháng cáo đề nghị

không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 và không áp dụng Điều 54 BLHS của các bị hại là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo cho rằng bị cáo O là nhân viên bất động sản đã dùng thủ thuật trong mua bán nhà đất để lừa đảo nhiều người, do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng là “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo. HĐXX thấy rằng: bị cáo O tuy phạm tội nhiều lần và phạm tội với nhiều người, nhưng không phải là bị cáo phạm nhiều tội và không phải lấy việc phạm tội làm nguồn vật chất để sinh sống duy nhất; động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là do thua lỗ trên các sàn giao dịch thương mại điện tử và tiền ảo dẫn đến thâm nợ, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy tiền của người sau để trả nợ gốc và tiền lãi cho người trước. Quá trình diễn biến tội phạm, bị cáo vẫn làm công việc của nhân viên bất động sản để sinh sống cho bản thân; bị cáo không chiếm đoạt tiền của bị hại để lo cuộc sống bản thân và gia đình; trong một năm bị cáo chiếm đoạt tiền của 05 người; do vậy chưa có cơ sở cho rằng bị cáo “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS; nên không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng như bị hại kháng cáo.

[2.3] Đối với kháng cáo cho rằng bị cáo O phạm tội tinh vi, xảo quyệt, đẩy các gia đình bị hại đến chỗ khánh kiệt, có người phải tự tử, do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng “*Dùng thủ đoạn tinh vi, tàn ác hoặc xảo quyệt để phạm tội*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo. HĐXX thấy rằng: thủ đoạn là cách thức thực hiện tội phạm; thủ đoạn tinh vi, tàn ác hoặc xảo quyệt để phạm tội là cách thức thực hiện tội phạm khiến người khác không thể ngờ được, người bị hại bị mất khả năng cảnh giác để bị cáo phạm tội một cách dễ dàng hoặc phạm tội một cách tàn ác. Trong các trường hợp bị cáo rủ rê những người bị hại góp tiền đầu tư mua đất để sinh lời, hoặc góp tiền đáo hạn ngân hàng; sau khi giao tiền cho bị cáo, những người bị hại bỏ mặc cho hậu quả xảy ra mà không kiểm tra, giám sát hành vi của bị cáo mua, bán bất động sản như thế nào, lời lãi ra sao; số tiền trên được đầu tư vào đâu? Do vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng trên cho bị cáo.

[3] Từ những nhận định trên đây, xét thấy toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện; đã áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo theo đúng quy định của Bộ luật hình sự; từ đó áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt cho bị cáo O là hoàn toàn thoả đáng. Những người bị hại kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ hoặc tình tiết tăng nặng nào mới để tăng nặng hình phạt cho bị cáo. Do vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo của những người bị hại tuy không được chấp nhận, nhưng người bị hại không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại Phạm Thị Thanh C, Phạm Thị L1, Võ Thị Mỹ D và Đỗ Thị Xuân H1; giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều O của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HSST ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều O phạm tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản** theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O **08 T2m) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2/ Án phí phúc thẩm: những người bị hại Phạm Thị Thanh C, Phạm Thị L1, Võ Thị Mỹ D và Đỗ Thị Xuân H1 không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (29/5/2023).

### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT - Công an Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Trường**